

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 9 -2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hà Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Hào

Ông Vũ Viết Thiệu

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Bùi Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 66/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 304/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2024/QĐ-ST ngày 31/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị T, sinh năm 1990;

Hộ khẩu thường trú: Xóm G, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Lê Tiến Đ

Địa chỉ: Số C, ngõ A N, Y, quận C, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn H, sinh năm 1989;

Hộ khẩu thường trú: Xóm G, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định

Hiện đang trú tại: Đài Loan.

Tại phiên tòa: Chị Mai Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Ngô Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ thông qua thân nhân nhưng vắng mặt không có lý do, anh Lê Tiến Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15-03-2024 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Mai Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T và anh Ngô Văn H đăng ký kết hôn tự nguyện ngày 23 tháng 11 năm 2012 tại UBND xã X, Huyện X, Tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc. Khoảng tháng 6/2020 H làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan.

Đến đầu năm 2021, vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi nhau. Nguyên nhân do khác biệt về tính cách, bất đồng quan điểm sống khiến tình cảm hai vợ chồng không còn như trước. Sau nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã căng thẳng trầm trọng. Anh, chị đã sống ly thân một thời gian dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh H và chị T có 02 con chung là: Cháu Ngô Mai Tuấn H1, sinh ngày 21 tháng 04 năm 2013 và cháu Ngô Tấn D, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2015. Hiện nay các cháu đang sống cùng ông bà nội tại địa chỉ: Xóm G, xã X, huyện X, Tỉnh Nam Định. Chị T đề nghị Tòa án giao hai cháu Ngô Mai Tuấn H1 và cháu Ngô Tấn D cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T đề nghị Tòa án không buộc chị phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H không có nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 24/6/2024 và ngày 06/8/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định tiến hành làm việc với bố mẹ đẻ của anh Ngô Văn H là ông Ngô Xuân H2 và bà Trịnh Thị N. Tại các buổi làm việc, các đương sự trình bày như sau:

Chị Mai Thị T kết hôn với anh Ngô Văn H ngày 23/11/2012. Trước khi tổ chức lễ cưới có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X. Sau khi cưới nhau, đến năm 2017 chị T sang Đài Loan làm. Đến khoảng tháng 4, 5 năm 2020 anh H cũng sang Đài Loan làm. Từ khi kết hôn năm 2012 đến trước năm 2017 anh chị sống cùng bố mẹ chồng và anh chị không có mâu thuẫn gì. Cuối năm 2023, chị T về nước nói vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn

được. Anh H đi Đài Loan từ năm 2020 đến tháng 5/2023 anh có về nhà một lần do mẹ anh bị ốm; từ khi về và đến thời điểm hiện tại anh không nói gì về việc vợ chồng anh chị có mâu thuẫn hay không còn tình cảm. Từ khi anh H sang Đài Loan, anh H thường xuyên liên lạc về gia đình qua mạng xã hội Zalo. Địa chỉ hiện tại của anh H ở Đài Loan thì ông H2 và bà N không biết vì anh H không nói. Anh H và chị T có hai con chung là cháu Ngô Mai Tuấn H1, sinh ngày 21/04/2013 và cháu Ngô Tấn D, sinh ngày 20/11/2015. Hiện nay hai cháu đang sống cùng ông, bà, được ông, bà trực tiếp nuôi dưỡng, anh H gửi tiền về để ông bà chi phí nuôi các cháu. Anh H và chị T không có tài sản chung. Ông H2 và bà N nhất trí nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H và cam đoan có trách nhiệm thông báo nội dung các văn bản cho anh H.

Tại phiên tòa: Anh Lê Tiến Đ là người đại diện theo ủy quyền của chị Mai Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày trong đơn vẫn giữ nguyên quan điểm: Đề nghị Tòa án xử lý hôn giữa chị Mai Thị T và anh Ngô Văn H; Về con chung: Đề nghị Tòa án giao 02 con chung là cháu Ngô Mai Tuấn H1 và cháu Ngô Tấn D cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng và chị T yêu cầu chị không cần phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản, công nợ và các vấn đề khác liên quan: Chị T không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định có quan điểm:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị T; về con chung: Giao cháu Ngô Mai Tuấn H1 và Ngô Tấn D cho anh Ngô Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chị Mai Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí sơ thẩm: Chị Mai Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Mai Thị T có đăng ký thường trú tại xóm G, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Thông qua việc trình bày tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ, đã được thu thập có trong hồ sơ của vụ án, cho thấy tại thời điểm thụ lý đơn khởi kiện của chị Mai Thị T, anh Ngô Văn H đang sống và làm việc ở nước ngoài nên căn cứ Điều 37, Điều 39, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Quá trình làm việc với Tòa án, bố mẹ đẻ anh Ngô Văn H là ông Ngô Xuân H2 và bà Trịnh Thị N có lời trình bày thể hiện anh H vẫn đang đăng ký hộ khẩu tại xóm G, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nhưng hiện nay anh đang sống và làm việc ở Đài Loan, địa chỉ cụ thể của anh H ở Đài Loan ông, bà không biết. Anh H vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình qua mạng xã hội là Zalo, cho nên ông H2, bà N nhất trí nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh H được biết. Anh H đã biết nội dung khởi kiện của chị T về việc ly hôn và quan điểm về việc nuôi con chung.

Anh Ngô Văn H đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2 nên căn cứ tiểu mục 2.1 mục II của nghị quyết số 01/2003/NQHĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 16/4/2003 hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết một số loại tranh chấp dân sự và hôn nhân gia đình, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Cuộc hôn nhân giữa chị Mai Thị T và anh Ngô Văn H, là hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến đầu năm 2021, vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi nhau. Nguyên nhân do chị T và anh H khác biệt về tính cách, bất đồng quan điểm sống. Anh chị sống ly thân, bỏ mặc nhau kể từ khi anh H đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Mặc dù chị T, anh H đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã căng thẳng trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được; cho nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là: Cháu Ngô Mai Tuấn H1, sinh ngày 21 tháng 04 năm 2013 và cháu Ngô Tấn D, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2015. Hiện nay các cháu đang sống cùng ông bà nội tại địa chỉ: Xóm G, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù hiện nay chị Tở trong nước. Nhưng do điều kiện công việc, cho nên chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh H nuôi dưỡng và đề nghị Tòa án không buộc chị phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T giao các con chung cho anh Ngô Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, trong thời gian anh chưa về nước thì ông Ngô Xuân H2 và bà Trịnh Thị N (Là bố mẹ đẻ của anh H) trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản, nợ chung: Chị Mai Thị T không đề nghị cho nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Mai Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 208, khoản 4 Điều 147, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự; tiểu mục 2.1 mục II của nghị quyết số 01/2003/NQHĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 16/4/2003 hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết một số loại tranh chấp dân sự và hôn nhân gia đình, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Mai Thị T và anh Ngô Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Mai Tuấn H1, sinh ngày 21 tháng 04 năm 2013 và Ngô Tấn D, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2015 cho anh Ngô Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành và tự lập được. Trong thời gian anh Ngô Văn H chưa về nước thì ông Ngô Xuân H2 và bà Trịnh Thị N (Là bố mẹ đẻ của anh H) trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Mai Thị T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của anh Ngô Văn H.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Mai Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai số 0005738 ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định, chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị Mai Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh Ngô Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa

thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã Xuân Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hà Nam